

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH ĐẠI  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2020/DS-ST**

Ngày: 06/7/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Tấn Thọ;

2. Ông Đặng Hoàng Mích.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Long Hồ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 81/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Thùy L**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp BL, xã ĐHL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

**- Bị đơn:** 1/ Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1961 (có mặt),

2/ Ông **Dương Văn N**, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp BH, xã ĐHL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Ông Nhanh ủy quyền cho bà Lê tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 02/6/2020.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thùy L trình bày như sau:*

Trước đây chị có cho vợ chồng bà L, ông N vay tiền nhiều lần, sau đó đến ngày 30/11/2015, chị và bà L hai bên chốt nợ, nên bà L có làm một tờ giấy viết tay do bà L viết còn nợ chị 142.000.000 đồng. Khoản nợ này đến nay đã lâu, chị đến đòi nhiều lần nhưng bà L, ông N cứ hẹn mà không trả, nay chị yêu cầu vợ chồng bà L trả cho chị số tiền vốn 142.000.000 đồng và số tiền lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày Tòa án giải quyết vụ án (06/7/2020) là 3 tháng 27 ngày, theo lãi suất nhà nước quy định 0,75%/tháng với số tiền 4.153.500 đồng, chị không còn yêu cầu gì khác.

*\* Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị L cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn N trình bày như sau:*

Bà thừa nhận hiện tại vợ chồng bà còn nợ chị L số tiền 142.000.000 đồng, khoản nợ này bà có làm giấy nợ với chị L, hiện tại vợ chồng bà đồng ý trả cho chị L số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của chị L là 146.153.500 đồng. Tuy nhiên, hiện hoàn cảnh khó khăn không có thu nhập nên xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng, cho đến khi hết nợ.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BD phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc bà L, ông N liên đới trả cho chị L số tiền 146.153.500 đồng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L và ông Dương Văn N cư trú tại ấp BH, xã ĐHL, huyện BĐ, bị chị Trần Thị Thùy L khởi kiện về việc vay tiền, nên đây là quan hệ pháp tranh chấp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, giữa chị Trần Thị Thùy L và bà Nguyễn Thị L đã thống nhất nhau số nợ mà vợ chồng bà L, ông N có nghĩa vụ trả cho chị L là 146.153.500 đồng, trong đó nợ gốc 142.000.000 đồng, nợ lãi là 4.153.500 đồng. Việc thừa nhận này là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên phía bà L xin trả dần số nợ trên nhưng phía chị L không chấp nhận. Xét thấy hiện nay pháp luật về dân sự không có quy định việc trả dần, việc trả dần do các bên thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án, do đó buộc vợ chồng bà L, ông N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền 146.153.500 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu của chị L được chấp nhận nên bà L, ông N phải liên đới chịu án phí với số tiền là: 146.153.500 đồng x 5% = 7.307.000 đồng. Tuy nhiên, ông Dương Văn N là người cao tuổi nên được miễn nộp  $\frac{1}{2}$  phần án phí trên, số tiền án phí còn lại bà L phải nộp là 3.653.000 đồng,

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 35, 39, 92, 146 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy L đối với bà Nguyễn Thị L và ông Dương Văn N.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L, ông Dương Văn N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị Thùy L số tiền là 146.153.500 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu một trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng), (trong đó số tiền gốc 142.000.000 đồng, tiền lãi 4.153.500 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu số tiền nêu trên chưa được bà L, ông N thi hành thì hàng tháng bà L, ông N còn phải chịu lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi hành án xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Dương Văn N được miễn nộp án phí.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 3.653.000 đồng (Ba triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng)

Hoàn trả cho chị Trần Thị Thùy L số tiền 5.450.000 đồng (Năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010751 ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký  
Trần Văn Tuấn**



